

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 204/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Phan Văn D, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre theo văn bản ủy quyền ngày 04/10/2021.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Cao Thị M, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M là ông K theo văn bản ủy quyền ngày 12/11/2021.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Huỳnh Văn K và bà Cao Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Văn T số tiền nợ là 617.520.000đ (Sáu trăm mười bảy triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Ghi nhận việc ông Lê Văn T không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan

thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được giảm 50% là 14.350.000 đồng. Ông T và ông K, bà M mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền nêu trên. Cụ thể như sau:

+ Ông Huỳnh Văn K và bà Cao Thị M phải liên đới chịu số tiền 7.175.000đ (Bảy triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

+ Ông Lê Văn T phải chịu số tiền 7.175.000đ (Bảy triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 17.232.000 đồng (Mười bảy triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo biên lai số 0002033 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Ông T được hoàn lại số tiền 10.057.000đ (Mười triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai nêu trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang